

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP

Trụ sở chính : Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Điện thoại : (84-4)6287 6666 Fax: (84-4)6288 3333

Mã chứng khoán : KSV

E-mail : quanhecodong@vimico.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng công ty thống nhất bổ sung nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

- ✓ Thông qua nội dung thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- ✓ Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP giai đoạn 2017 – 2020

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/3/2018 tại đường dẫn: <http://vimico.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *11/11*

Tài liệu đính kèm

- Nghị quyết 555/NQ – VIMICO.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BIÊN TẬP TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Minh Sơn

Số: 555/NQ-VIMICO

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được ban hành kèm theo Quyết định số 780/QĐ-VIMICO ngày 05/9/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 555/BB - VIMICO của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV ngày 15/3/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Thông qua nội dung thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP như sau:

1.1. Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty theo Quyết định số 391/QĐ-TKV ngày 12/3/2018 của TKV kể từ ngày 16/3/2018.

Bổ nhiệm ông Đặng Đức Hưng - Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty thay thế ông Nguyễn Tiến Mạnh kể từ ngày 16/3/2018.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm trình nội dung thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nêu trên tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

1.2. Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Tổng Giám đốc Tổng công ty thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 16/3/2018 theo Quyết định số 393/QĐ-TKV ngày 12/3/2018 của TKV.

Bổ nhiệm ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty từ ngày 16/3/2018. Nội dung thay đổi nhân sự Tổng Giám đốc Tổng công ty sẽ được thông báo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Tổng công ty.

Điều 2. Thông qua việc bổ sung nội dung biểu quyết thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP giai đoạn 2017 - 2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

HDQT Tổng công ty thông qua việc bổ sung nội dung biểu quyết thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP giai đoạn 2017 -

2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 với các nội dung chính như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP trở thành doanh nghiệp thành viên của TKV có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý; nâng cao năng suất lao động, chỉ tiêu công nghệ, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh; hoạt động hiệu quả, bền vững; đảm bảo khai thác vận hành hiệu quả, ổn định các nhà máy chế biến sâu khoáng sản để cung ứng sản phẩm đồng, thiếc, kẽm, và các sản phẩm kim loại màu khác cho thị trường trong và ngoài nước; xây dựng mối quan hệ hài hòa trong Tổng công ty, vừa đảm bảo lợi ích của TKV và của Tổng công ty, đảm bảo lợi ích của người lao động trong Tổng công ty.

2. Mục tiêu cụ thể:

Các chỉ tiêu chủ yếu phải đạt được đến năm 2020:

- Sản lượng đồng tấm: 30.000 tấn/năm.
- Sản lượng kẽm thỏi: 15.000 tấn/năm
- Sản lượng thiếc: 300 tấn/năm.
- Sản lượng vàng: 1.050 kg/năm
- Doanh thu bình quân: tối thiểu tăng 6%/năm (bao gồm cả Công ty mẹ-Tổng công ty)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH: Cân đối để đảm bảo đạt tỷ lệ cổ tức hàng năm theo định hướng của TKV và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Năng suất lao động quy đổi: tăng tối thiểu 5%/năm (bao gồm cả Công ty mẹ-Tổng công ty).
- Quy mô lao động theo sản lượng mục tiêu: không quá 4.740 người, trong đó quy mô lao động Công ty mẹ-Tổng công ty: không quá 2.650 người.
- Thu nhập bình quân người lao động: tăng 5%/năm (bao gồm cả Công ty mẹ-Tổng công ty).
- Tỷ lệ cổ tức hàng năm Công ty mẹ-Tổng công ty: Phần đầu cao hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn bình quân 12 tháng của Ngân hàng VietinBank.

II. Nội dung tái cơ cấu

1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thăm dò, khai thác, chế biến (tuyển, luyện), gia công khoáng sản kim loại màu, kim loại đen, khoáng sản phi kim loại.
- Gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Niêm yết cổ phiếu

Thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty mẹ-Tổng công ty trên sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2018 theo quy định.

3. Kế hoạch tái cơ cấu sắp xếp doanh nghiệp, mô hình tổ chức quản lý Công ty mẹ-Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và các đơn vị thành viên của Tổng công ty giai đoạn 2017-2020

3.1. Nguyên tắc sắp xếp, tái cơ cấu

- Tiếp tục sắp xếp các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ-Tổng công ty theo hướng cơ cấu đầu mối hợp lý, chuyên môn hóa hoạt động theo địa bàn và theo ngành nghề, tạo điều kiện để Công ty mẹ-Tổng công ty điều hành có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty.

- Công ty mẹ-Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối hợp lý tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, có tài nguyên, trữ lượng khoáng sản quy mô lớn, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, sản phẩm có lợi thế.

- Thoái toàn bộ vốn tại các Công ty con hoạt động kinh doanh không hiệu quả (kể cả thuộc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính), và các công ty con thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, thương mại.

- Thoái toàn bộ vốn tại các Công ty liên kết hiện có (trừ Công ty có ưu thế về vị trí địa lý và quyền quản lý, sử dụng đất).

- Thực hiện sắp xếp, cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, phân xưởng tại các Công ty con, đơn vị trực thuộc Công ty mẹ-Tổng công ty đảm bảo hiệu quả.

- Tổ chức, sắp xếp lại công ty con của doanh nghiệp cấp II trong Tổng công ty nhằm thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2014.

3.2. Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp, mô hình tổ chức quản lý

a. Công ty mẹ- Tổng công ty

- Là Công ty cổ phần hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con, trong đó TKV nắm giữ 65% vốn điều lệ tại Công ty mẹ-Tổng công ty.

- TKV thực hiện thoái một phần vốn để giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại Công ty mẹ-Tổng công ty từ 98,06% xuống 65% vốn điều lệ.

- Các đơn vị nằm trong cơ cấu Công ty mẹ-Tổng công ty, ty:

+ Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai-Vimico

+ Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai-Vimico

+ Chi nhánh Đá quý Việt Nhật-Vimico

- Đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại:

Phối hợp với Công đoàn Tổng công ty thực hiện chấm dứt hoạt động Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng-Vimico.

b. Công ty con

- Giữ nguyên tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của Công ty mẹ-Tổng công ty tại các Công ty:

+ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico (51% VDL)

+ Công ty cổ phần Khoáng sản 3-Vimico (51 % VDL)

+ Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu-Vimico (55% VDL)

+ Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (51,89% VDL)

- Thoái toàn bộ vốn của Công ty mẹ-Tổng công ty tại các Công ty:

+ Công ty cổ phần Du lịch và thương mại Bằng Giang, Cao Bằng (51,31% VDL).

+ Công ty cổ phần Địa ốc khoáng sản-TKV (56,99% VDL)

- + Công ty cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh (60,93% VĐL)
- + Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (52,54% VĐL)
- Giải thể Công ty cổ phần Đầu tư gang thép Lào Cai, đảm bảo thu hồi và bảo toàn vốn đã góp (99,01% VĐL) của Tổng công ty.

c. Công ty liên kết

- Giữ nguyên tỷ lệ nắm giữ cổ phần (48,31% VĐL) của Công ty mẹ-Tổng công ty tại Công ty cổ phần Đá quý và vàng Hà Nội.

- Thoái toàn bộ vốn của Công ty mẹ-Tổng công ty tại các Công ty:

+ Công ty cổ phần Vàng Lào Cai (46,14% VĐL).

+ Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI (13,71% VĐL).

d. Tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn (doanh nghiệp do Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico nắm giữ 100% vốn điều lệ) theo đúng quy định của Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2014.

4. Tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp

4.1. Nghiên cứu và triển khai áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tại Công ty mẹ-Tổng công ty.

4.2. *Kiến toàn tổ chức bộ máy nội bộ*

a. Cơ cấu, số lượng phòng chuyên môn trực thuộc cơ quan Công ty mẹ-Tổng công ty: tối đa 11 phòng.

b. Cơ cấu, số lượng tối đa phòng chuyên môn, phân xưởng của Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ-Tổng công ty:

- Chi nhánh mở tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai-Vimico:

+ Số lượng phòng : 07 phòng

+ Số lượng phân xưởng : 09 phân xưởng

- Chi nhánh luyện đồng Lào Cai-Vimico:

+ Số lượng phòng : 07 phòng

+ Số lượng phân xưởng : 10 phân xưởng

- Chi nhánh đá quý Việt Nhật-Vimico:

+ Số lượng phòng : 02 phòng

+ Số lượng phân xưởng : 01 phân xưởng

c. Cơ cấu, số lượng tối đa phòng chuyên môn, chi nhánh, phân xưởng của Công ty con do Công ty mẹ-Tổng công ty nắm giữ cổ phần/quyền chi phối:

- Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico:

+ Số lượng phòng : 09 phòng

+ Số lượng chi nhánh : 04 chi nhánh

+ Số lượng phân xưởng : 01 phân xưởng;

- Công ty cổ phần Khoáng sản 3-Vimico:

+ Số lượng phòng : 03 phòng

+ Số lượng phân xưởng : 03 phân xưởng

- Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu-Vimico:

+ Số lượng phòng : 02 phòng

- Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- + Số lượng phòng : 04 phòng
- + Số lượng phân xưởng : 02 phân xưởng

4.3. Công tác quản trị tài nguyên

- Tiếp tục thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng phân sâu -600m mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai.

- Triển khai thăm dò nâng cấp trữ lượng các khối tài nguyên 333 của mỏ đồng Vi Kẽm, Lào Cai.

- Thăm dò bổ sung tài nguyên dưới sâu mỏ đồng và ranh giới 2 mỏ đồng Sin Quyền và Vi Kẽm để huy động tối đa tài nguyên quặng đồng cho khu vực.

- Hợp tác với Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đánh giá toàn diện tiềm năng khoáng sản vùng Tây Bắc để được quyền ưu tiên lập Đề án thăm dò các khu vực có triển vọng.

4.4. Công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ

a. Một số chỉ tiêu công nghệ, chất lượng sản phẩm chủ yếu đến năm 2020:

- Nâng hàm lượng đồng tấm lên 99,99%
- Nâng cao thực thu luyện đồng >97%, thực thu kẽm \geq 92%, thực thu vàng \geq 96%.

- Nâng hàm lượng tinh quặng sắt \geq 64% Fe, S \leq 1%.

- Nâng cao chất lượng axit sunfuaric \geq 97%.

- Nghiên cứu tận thu khoáng vật trong quặng đuôi thải ra từ Nhà máy tuyển đồng.

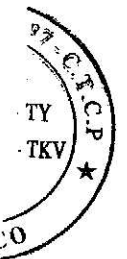
b. Đối với khai thác mỏ:

- Kiểm soát chặt chẽ các tài nguyên, ranh giới mỏ, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng đồng, chì, kẽm. Tăng cường thực hiện công tác thăm dò khai thác để nâng cao độ tin cậy tài nguyên trong quá trình khai thác.

- Nâng cao hiệu quả khâu khai thác mỏ bằng các giải pháp tổng thể như đánh giá hiệu quả từng khâu công nghệ: khoan, nổ mìn, bốc xúc, vận tải, thải đất đá. Nâng cao chỉ tiêu công nghệ như quy mô bãi nổ mìn, kiểm soát sử dụng chỉ tiêu và loại thuốc nổ, nâng cao hệ số sử dụng mét khoan, tăng tỷ lệ huy động thiết bị mỏ.

- Cứng hóa đường vận chuyển cố định để nâng cao năng lực thông qua của đường vận tải và an toàn; tối ưu hóa cung độ, độ dốc vận tải để giảm khối lượng, chi phí vận chuyển; điều hành phương hướng công trường khai thác tối ưu đảm bảo diện khai thác, vận tải, chất lượng quặng nguyên khai đem tuyển.

- Quy hoạch trình tự khai thác, đổ thải đất đá, thải quặng đuôi hợp lý và có tính đồng bộ giữa các mỏ đồng Sin Quyền (phần khai thác lộ thiên); Vi Kẽm (khai thác hầm lò) để có định hướng cho phần khai thác xuống sâu mỏ đồng Sin Quyền (khai thác hầm lò). Tối ưu hóa sử dụng tài nguyên đất đai khu vực xung quanh mỏ. Giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường do ảnh hưởng của công tác khai thác mỏ.



- Đầu tư, sử dụng thiết bị khai thác mỏ (hầm lò, lộ thiên) tiên tiến, hiện đại; đặc biệt xem xét đầu tư các hệ thống giám sát, điều hành tập trung; Tối đa tự động hóa các công đoạn khai thác để nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn.

c. Đối với kỹ thuật tuyển khoáng

- Tuyển quặng đồng:

+ Tăng cường áp dụng tự động hóa tại các khâu công nghệ, đặc biệt tự động hóa khâu điều chỉnh chế độ công nghệ. Đưa vào sử dụng thiết bị Cell tuyển thay thế các máy tuyển nổi cơ giới khí nén nhằm tuyển được đối tượng quặng nguyên khai nghèo hơn, tăng thực thu, giảm tiêu hao điện năng, chi phí thuốc tuyển để nâng cao hiệu quả tuyển.

+ Nghiên cứu áp dụng công nghệ thu hồi triet để các khoáng vật đi kèm (thu hồi đất hiếm từ quặng đuôi tuyển...), bổ sung công nghệ tách bùn cát trong đuôi tuyển.

- Tuyển quặng kẽm chì:

Bổ sung sử dụng thiết bị Cell tuyển thay thế các nhà máy tuyển nổi cơ giới. Lắp đặt hệ thống điều khiển trung tâm cho các xường tuyển để điều chỉnh tối ưu hóa quá trình sản xuất. Đầu tư bổ sung công nghệ thu hồi triet để các khoáng vật đi kèm, nâng cao thực thu và các sản phẩm tuyển.

- Tuyển quặng sắt:

Nghiên cứu bổ sung công nghệ thu hồi sắt trong các khoáng vật Limonit, gotit, hematit đỏ.

- Tuyển quặng thiếc:

+ Thay thế các máy tuyển từ thể hệ cũ bằng máy tuyển từ nam châm đất hiếm; sử dụng bàn đãi khí để tuyển khô cấp hạt mịn,...

+ Nghiên cứu và đưa vào áp dụng các thiết bị thu hồi cấp hạt mịn tiên tiến như máy tuyển đa trọng lực (Knelson, Falcon) để thu hồi tối đa tài nguyên thiếc mịn tại các bãi thải của các đơn vị sản xuất thiếc.

+ Đầu tư xây dựng xường tuyển thiếc gốc Tây nam Núi Pháo, công suất 30.000 tấn quặng nguyên khai/năm.

d. Đối với kỹ thuật luyện kim

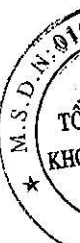
- Công nghệ luyện đồng:

+ Nâng sản lượng đồng cathode đến năm 2020 đạt tối thiểu 30.000 tấn/năm, tăng 15%-20% so với thiết kế, thực thu đồng đạt tối thiểu 97%, tiêu hao dầu FO giảm 3%, điện giảm 7%, nước giảm 10%.

+ Tiếp tục cải tiến công đoạn sản xuất axitsunfuaric với việc thay đổi chất xúc tác chuyển hóa mới VK38, VK48 nhằm đảm bảo môi trường khí thải, giảm chi phí đầu tư khâu xử lý đuôi thải.

- Công nghệ luyện kẽm: Cải tạo nâng cao chất lượng công nghệ và tăng công suất lên 15.000 tấn/năm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo tốt hơn môi trường, nâng cao thực thu từ 90,5% lên tối thiểu 92%.

- Công nghệ luyện gang, thép: Tập trung quản lý kỹ thuật công nghệ để



đạt các chỉ tiêu về sản lượng, tiêu hao các nguyên vật liệu chính như than cốc, nâng cao áp dụng tự động hóa tại các dây chuyền sản xuất.

- Công nghệ luyện thiếc: Đẩy mạnh khả năng cung cấp nguyên liệu từ nguồn tự cung cấp kết hợp mua thêm nguyên liệu để sản xuất nâng cao sản lượng thiếc.

e. Đối với kỹ thuật cơ điện-vận tải

- Đầu tư thiết bị bốc xúc có năng suất cao (dung tích gầu 5,0-5,2m³) để đạt công suất khai thác mỏ.

- Đầu tư bổ sung xe vận tải mỏ có tải trọng lớn (58-60 tấn), năng suất cao và phù hợp điều kiện sản xuất, đáp ứng khối lượng vận chuyển tăng hàng năm.

- Áp dụng tự động hóa trong các công đoạn tuyển khoáng và luyện kim nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

g. Công tác quản lý đầu tư

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khai thác, chế biến khoáng sản trọng điểm đã khởi công trước 01/01/2017 gồm: (i) Dự án khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ-tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai, (ii) Dự án mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai, (iii) Dự án Khai thác mỏ đồng Vĩ Kẽm, Bát Xát, Lào Cai, (iv) Dự án Cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên, (v) Dự án Khai - tuyển quặng mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, Văn Bàn, Lào Cai, (vi) Dự án Khai thác chế biến quặng đất hiếm Đông Pao, Lai Châu, (vii) dự án Khai tuyển thiếc gốc Tây Nam Núi Pháo, (viii) Dự án Khai tuyển mỏ Kẽm chì Cúc Đường.

- Tập trung chuẩn bị đầu tư một số dự án khai thác, chế biến khoáng sản (khởi công xây dựng sau năm 2017) gồm: (i) Dự án Khai thác hầm lò tầng sâu mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai, (ii) Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất mỏ kềm chì Chợ Điện, (iii) Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất mỏ kềm chì Lang Hích.

4.5. Công tác quản trị chi phí

- Tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp kinh doanh với TKV theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của TKV.

- Giá thành sản xuất một số sản phẩm chính (tinh quặng đồng, đồng tấm, vàng, kềm thời) giảm tối thiểu 3%/năm (sau khi loại trừ yếu tố khách quan). Tiếp tục hoàn thiện các giải pháp tiết kiệm chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, điện năng, tiết giảm chi phí quản lý, tăng năng suất: lao động và khoán quản trị nội bộ đến các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

- Từ năm 2018, thực hiện cơ chế giá mua bán nội bộ giữa TKV và Tổng công ty đối với một số sản phẩm chính theo kế hoạch phối hợp kinh doanh với TKV và quy chế quản lý nội bộ của TKV.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế giá mua giá bán nội bộ giữa Công ty mẹ-Tổng công ty và các Công ty con của Tổng công ty.

- Xây dựng, ban hành Bộ định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá thành theo từng công đoạn đối với một số sản phẩm chủ yếu như đồng, thiếc, kềm... áp dụng trong nội bộ Tổng công ty.

4.6. Công tác quản lý tài chính

- Hệ số tài chính chủ yếu đến năm 2020:
- + Hệ số nợ phải trả/vốn CSH: < 2 lần (trong đó Công ty mẹ-Tổng công ty < 2 lần).
- + Hệ số thanh toán hiện hành: $\geq 0,5$ lần
- Giữ nguyên quy mô vốn điều lệ của Công ty mẹ-Tổng công ty như hiện nay phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn. Tỷ lệ cổ tức phân phối cho các cổ đông phần đầu đạt cao hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn bình quân 12 tháng của Ngân hàng VietinBank.
- Thu xếp và cân đối nguồn vốn dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt. Tập trung thu xếp vốn trung dài hạn, ngắn hạn cho các Chi nhánh và/hoặc ủy quyền cho các đơn vị chủ động huy động vốn theo phân cấp. Tái cơ cấu các khoản nợ vay để giảm chi phí tài chính của Tổng công ty.
- Thực hiện thu hồi, giảm thiểu các khoản nợ phải thu, không phát sinh nợ phải thu quá hạn. Giám sát chặt chẽ chỉ tiêu, hệ số tài chính của các công ty con.
- Quản lý chặt chẽ dòng tiền tập trung thông qua việc thực hiện công tác dự báo nhu cầu vốn bằng tiền và lưu chuyển tiền, nhằm xác định và cân đối nhu cầu thực tế về vốn và dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Thực hiện cơ chế giao khoán tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu cho các Chi nhánh, Công ty con của Tổng công ty kể từ năm 2018.

4.8. Công tác quản lý vật tư

- Hoàn thiện tổ chức quản lý vật tư từ khâu mua sắm, quản lý kho tàng cấp phát, tiếp liệu, thu hồi và phục hồi, tái chế, cụ thể:
- Tổ chức đấu thầu, mua sắm, dự trữ vật tư tập trung trong cùng hệ thống các công ty con, đơn vị trực thuộc đối với các vật tư chiến lược nhiều đơn vị sử dụng, và phân cấp cho các đơn vị thực hiện theo thẩm quyền đối với các vật tư còn lại.
- Tổ chức quản lý hệ thống kho tàng phục vụ sản xuất theo hướng gọn nhẹ, giảm tối đa lao động làm công tác vật tư, giảm đầu mỗi kho tàng không cần thiết, phân loại kho tàng theo chủng loại đồng thời quản lý, theo dõi bằng hệ thống phần mềm điện tử, chứng từ điện tử.
- Tổ chức quản lý tập trung việc thu hồi, tái chế, phục hồi các vật tư thiết bị.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong cấp phát vật tư để quản lý chính xác, kịp thời, đặc biệt là cấp phát nhiên liệu; báo cáo trực tuyến, v.v... nhằm quản lý chặt chẽ, kịp thời và giảm nhân công.
- Tồn kho vật tư: < 5% (tổng nhu cầu sử dụng trong năm).

4.9. Công tác quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện mục tiêu “Doanh nghiệp ít người, trả lương cao”.
- Triển khai xã hội hóa, thuê ngoài cung ứng một số dịch vụ phục vụ

người lao động, gồm: nấu ăn, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ ...

- Chủ động sắp xếp, đổi mới cơ cấu chất lượng lao động và xử lý lao động dôi dư đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động; tuyển dụng lao động theo kế hoạch đã thỏa thuận với TKV đảm bảo chất lượng, mang lại hiệu quả, đến năm 2020, quy mô lao động toàn Tổng công ty không quá 4.740 người (trong đó Công ty mẹ-Tổng công ty không quá 2.650 người).

- Tổ chức áp dụng cơ chế trả lương theo giờ làm việc thực tế nhằm khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng suất và thời gian sử dụng lao động trong ca; Cơ chế trả lương lũy tiến theo sản phẩm tăng thêm để khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, tăng thời gian làm việc có ích trong ca. Có cơ chế, chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, giữ chân đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề bậc cao.

- Nâng tỷ lệ công nhân có trình độ tay nghề bậc cao; Giảm tối đa tỷ lệ lao động quản lý (<12%), lao động phục vụ, phụ trợ, và lao động chưa qua đào tạo,

- Nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng cho người lao động (đặc biệt đối với công nhân luyện kim); Áp dụng cơ chế luân chuyển để đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

III. Tổ chức thực hiện

1. Tổng công ty:

Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 để xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP giai đoạn 2017-2020 và hướng dẫn, theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Đề án.

Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con cổ phần chỉ phối xây dựng Kế hoạch chi tiết về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2017-2020 theo Đề án tái cơ cấu đã được Tổng công ty phê duyệt báo cáo Tổng công ty xem xét thông qua để tổ chức thực hiện.

Kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP giai đoạn 2017-2020.

2. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty cổ phần.

Tổ chức phổ biến, quán triệt quan điểm, mục tiêu và các nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP giai đoạn 2017-2020 nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao từ Công ty mẹ-Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, từ cán bộ lãnh đạo các đơn vị đến người lao động trong quá trình triển khai thực hiện.

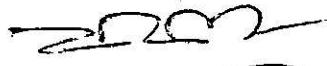
Xây dựng kế hoạch chi tiết và lộ trình triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 và báo cáo Tổng công ty kết quả thực hiện, đảm bảo đến năm 2020 hoàn thành các nội dung của Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

Tập trung tổ chức thực hiện tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp theo các nội dung của Đề án tái cơ cấu đã được Tổng công ty phê duyệt.

Điều 3. Hội đồng Quản trị Tổng công ty, Tổng Giám đốc Tổng công ty và các phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Nguyễn Tiến Mạnh



Nguyễn Văn Hải



Trịnh Văn Tuệ

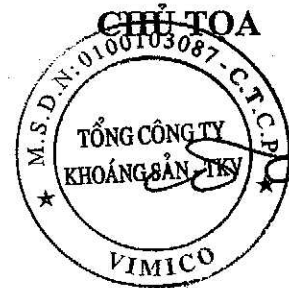


Ngô Quốc Trung



Nơi nhận:

- Các TV.HĐQT;
- Các PTGD; CTCĐ;
- Các phòng, ban CQ Tổng công ty (E.Copy);
- Website Tổng công ty;
- Lưu VT, HĐQT.



Trần Quốc Lộc

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Phương Thảo

